UBND XÃ THẠCH LẠC
BAN CHỈ ĐẠO PHỔ CẬP XÓA MÙ CHỮ
Số: 01 /BC-BCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thạch Lạc, ngày 21 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2026 và Kế hoạch năm 2027
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 27 tháng 12 năm 2026)

Phần I
BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XMC

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ PHỔ CẬP

1. Công tác của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD-XMC)

1.1. Tình hình chung về giáo dục và đào tạo

- Tham mưu Đảng ủy, UBND xã tập trung chỉ đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Xây dựng kế hoạch, Thành lập Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC) của phường; phân công trách nhiệm cụ thể từng thành viên, tổ thư ký, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Tập trung chỉ đạo các trường học phân công các tổ làm tốt công tác điều tra cơ bản, tập huấn cho cán bộ, giáo viên nghiệp vụ, điều tra, thống kê số liệu, làm tốt công tác tự kiểm tra công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026.

- Tính đến thời điểm tháng 10 năm 2026, các trường tiếp tục giữ vững Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: Đạt; Phổ cập giáo dục Tiểu học và Trung học cơ sở: Đạt mức độ 3; Xóa mù chữ: Đạt mức độ 2;

1.2. Công tác tham mưu, chỉ đạo

- Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, Xóa mù chữ xã đã xác định PCGD là một nhiệm vụ chính trị thường xuyên. Trong quá trình tiến hành công tác PCGD, các nhà trường là cơ quan chuyên môn đã tích cực tham mưu UBND, Ban chỉ đạo PCGD-XMC của xã thường xuyên chỉ đạo, củng cố, tăng cường, bổ sung, kiện toàn Ban chỉ đạo công tác PCGD, đảm bảo tập hợp được những người có kinh nghiệm vận động quần chúng, nhiệt tình với công tác giáo dục, đủ sức lãnh đạo phong trào PCGD của xã; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể phối hợp chặt chẽ với các trường trên địa bàn xã huy động trẻ trong độ tuổi phổ cập.

- Tham mưu tích cực với Đảng ủy, HĐND, UBND đưa công tác PCGD vào các Nghị quyết, coi đó là một nhiệm vụ quan trọng đòi hỏi cả hộ thống chính trị cùng vào cuộc.

1.3. Công tác tuyên truyền

- Tuyên truyền tới toàn thể nhân dân, các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội về Luật PCGD; các thời điểm tuyển sinh, chế độ chính sách đối với học sinh khuyết tật, học sinh nghèo, học sinh con gia đình chính sách,...

- Các nhà trường tổ chức cho cán bộ giáo viên được học tập để nắm chắc các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác PCGD-XMC: nhiệm vụ, hồ sơ và nghiệp vụ phổ cập, công tác điều tra, theo dõi học sinh đi đến, thực hiện chương trình kế hoạch dạy học, giáo dục trẻ khuyết tật học hoà nhập,...

- Sử dụng tốt các hình thức, công cụ tuyên truyền: Qua đài phát thanh, qua các cuộc họp, Hội nghị.

1.4. Công tác huy động

- Các nhà trường phối hợp với các lực lượng tham gia công tác điều tra độ tuổi trẻ từ 0 đến 60 tuổi; đảm bảo huy động hết số trẻ các độ tuổi đến lớp (kể cả học sinh khuyết tật nhẹ).

- Thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường" nhằm tuyên truyền, huy động hết số trẻ trong độ tuổi đến trường hiệu quả.

- Trước khi tuyển sinh, các nhà trường đã cho thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng (đài phát thanh xã) để nhân dân biết nhằm huy động hết số trẻ đến lớp.

- Các nhà trường thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số, điều tra xác minh các đối tượng xóa mù chữ học ngoài xã, bỏ học, chuyển đi và đến từng tháng, quý. Thông báo kịp thời đến Hội đồng giáo dục đối với những trường hợp có nguy cơ bỏ học để vận động các em ra lớp.

Ngoài việc phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc quản lý, động viên con em học tập tốt, các đơn vị còn làm tốt công tác phụ đạo học sinh yếu giúp học sinh nắm bắt được kiến thức cơ bản, các em tự tin trong học tập.

1.5. Công tác xây dựng đội ngũ

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên đảm bảo phẩm chất chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Bố trí hợp lí, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên đảm bảo đủ tỷ lệ giáo viên trên lớp.

- Tăng cường công tác tự bồi dưỡng và bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng những yêu cầu mới trong tình hình xã hội hiện nay.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn hoá giáo viên các cấp: đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong đội ngũ CB-GV-NV; hưởng ứng tích cực cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" lồng ghép với các cuộc vận động của ngành.

- Xây dựng tốt nền nếp, kỷ cương học đường. Công tác quản lý chuyên môn đi sâu vào xây dựng củng cố chất lượng các lớp đầu cấp, cuối cấp, giúp đỡ học sinh yếu kém; chú trọng công tác chủ nhiệm; bên cạnh đó quan tâm về bồi dưỡng chuyên môn và tập huấn nghiệp vụ nhằm cập nhật hoá kiến thức và phương pháp giảng dạy cho giáo viên thông qua hoạt động tập huấn chuyên môn

do ngành tổ chức, chuyên đề của các tổ chuyên môn.

1.6. Nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục

- Đẩy mạnh các hoạt động dạy và học trong nhà trường, nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình, thời khoá biểu.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) sao cho mỗi giờ dạy nhẹ nhàng hiệu quả, chất lượng cao. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong từng bài học.

- Ngay từ đầu năm học tiến hành khảo sát phân loại các đối tượng học sinh giỏi, học sinh yếu, học sinh nghèo, học sinh khuyết tật giao cho giáo viên có năng lực và tinh thần trách nhiệm để bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng mũi nhọn, giảm tỉ lệ học sinh lưu ban.

- Duy trì tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.

- Lập cam kết về chất lượng đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy.

- Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục: Kết hợp chặt chẽ 3 môi trường giáo dục nhà trường - gia đình - xã hội, tạo mọi điều kiện động viên học sinh cố gắng phấn đấu vươn lên.

1.7. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Tham mưu với Ban đại diện cha mẹ học sinh tu sửa cơ sở vật chất, mua bàn ghế bổ sung cho các lớp học tăng thêm và một số lớp đã hư hỏng.

- Tăng cường một số sách cho phòng thư viện đảm bảo đủ điều kiện thư viện chuẩn. Trang bị thêm đồ dùng dạy học và một số trang thiết bị khác.

- Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, trồng bổ sung một số cây xanh bóng mát xung quanh trường tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.

1.8. Thực hiện chế độ, chính sách cho giáo dục và cho công tác phổ cập

- Nguồn kinh phí cấp cho công tác PCGD được thực hiện đầy đủ theo quy định.

1.9. Công tác xã hội hóa giáo dục

- Tuyên truyền tới các lực lượng đoàn thể xã hội về công tác xã hội hoá giáo dục nhằm tăng cường cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho dạy và học đồng thời tăng cường sự chăm lo giáo dục học sinh.

- Tham mưu với cấp lãnh đạo để thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục đạt hiệu quả.

- Thực hiện xã hội hoá giáo dục đảm bảo đúng quy trình, đảm bảo tính công khai.

- Chăm lo giúp đỡ học sinh diện gia đình chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, HS khuyết tật.

1.10. Công tác phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thực hiện PCGD-XMC

- Tham mưu với Đảng ủy xã ra Nghị quyết lãnh đạo công tác XMC-PCGD và xây dựng xã hội học tập tại địa phương.

- Ra quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo công tác phổ cập của xã.

- Lập kế hoạch công tác XMC-PCGD, trong đó phân công trách nhiệm cụ thể cho các ban ngành đoàn thể và thành viên trong ban chỉ đạo XMC-PCGD xã để thực hiện công tác.

- Tuyên truyền trên bản tin của xã về công tác PCGD.

- Bố trí kinh phí cho công tác điều tra bổ sung ở xã hàng năm.

- Chỉ đạo Công an xã rà soát, cập nhật danh sách chuyển đi, chuyển đến, các đối tượng mới nhập khẩu để tránh tình trạng thiếu sót tên đối tượng điều tra (đặc biệt các đối tượng thường trú tại địa phương)

- Chỉ đạo các trường MN, TH&THCS phối hợp trong công tác điều tra, nhập số liệu từ phiều điều tra vào phần mềm PCGD.

- Tổ chức điều tra, lập danh sách trẻ 5 và 6 tuổi, phối hợp với các Phân hiệu Tiểu học (có đối tượng diện PCGD của xã đang theo học) để cập nhật danh sách học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học, từ đó lập kế hoạch và tổ chức huy động trẻ 5 tuổi vào học Mầm non; 6 tuổi vào học lớp 1, hoàn thành chương trình Tiểu học vào học lớp 6 theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

- Tiến hành điều tra các đối tượng Phổ cập THCS, THPT và các đối tượng khác đến 60 tuổi trên địa bàn.

- Tiến hành điều tra các đối tượng mù chữ trên địa bàn, lập danh sách thống kê (Công tác điều tra xong trước ngày 15/10/2026)

- Triển khai cập nhật vào phiếu điều tra, phần mềm PCGD và sổ phổ cập.

- Thống kê số liệu, tổ chức tự kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả đạt được theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT gửi kết quả về BCĐ xã vào ngày 20/10/2026.

- Tổ chức vận động duy trì số lượng và nâng cao chất lượng dạy và học. Tham mưu với các cấp lãnh đạo đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất đảm bảo theo các tiêu chuẩn của Bộ.

2. Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đính chính Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy định, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Kết quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh đạt được như sau:

2.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Tổng số trẻ 5 tuổi trên địa bàn: 276;

- Tổng số trẻ 5 tuổi được huy động: 276;

- Tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường: 276, tỉ lệ: 100%.

- Tỉ lệ trẻ học 2 buổi trên ngày: 276, tỉ lệ: 100%.

- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 263/263, tỉ lệ: 100%.

-Tổng số trẻ 4 tuổi trên địa bàn: 240

- Tổng số trẻ 4 tuổi được huy động: 239 (01 trẻ khuyết tật không có khả năng học hòa nhập)

- Tỉ lệ huy động trẻ 4 tuổi đến trường: 239/239, tỉ lệ: 100%.

- Tổng số trẻ 3 tuổi trên địa bàn: 262

- Tổng số trẻ 3 tuổi được huy động: 261 (01 trẻ khuyết tật không có khả năng học hòa nhập)

- Tỉ lệ huy động trẻ 3 tuổi đến trường: 261/261, tỉ lệ: 100%.

- Tổng số trẻ 3 - 5 tuổi: 778 trẻ, ra lớp: 776 trẻ 01 trẻ khuyết tật không có khả năng học hòa nhập, tỉ lệ: 100%; trong đó trẻ học tại địa bàn là 629 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 86 trẻ.

- Tổng số trẻ từ 0 đến 2 tuổi: 586 trẻ, ra lớp: 136/586 trẻ, tỉ lệ: 23,2%; trong đó trẻ học tại địa bàn là 135 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 01 trẻ.

- Tổng số trẻ 0 đến 5 tuổi khuyết tật trên địa bàn: 2; số trẻ có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 0; tỉ lệ: 0%.

- Kết quả: Đạt

2.2. Phổ cập giáo dục tiểu học

- Phân hiệu 1

+ Số trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 76 em; tỉ lệ: 100%

+ Số trẻ 11 tuổi Hoàn thành chương trình tiểu học năm học 2025-2026: 90/95, tỉ lệ: 94,7% (Có em em Trương Nam Thành sinh năm 2015 học lớp 5A1, em Trần Danh Đức sinh năm 2015 học lớp 5B1, em Nguyễn Thị Cẩm Trúc sinh năm 2015 học lớp 5B1, em Bùi Đức Khánh sinh năm 2015 học lớp 5C1; em Nguyễn Thiên Phúc sinh năm 2015 học lớp 4B1, em Dương Kim Duy Khánh sinh năm 2014 đang học lớp 5A1)

+ Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi (6-14 tuổi): 08 em, số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục: 06 em (Nguyễn Văn Quyền, Trần Phúc Minh Quân, Trần Công Phúc, Trần Tuấn Hưng sinh năm 2017; Nguyễn Văn Trường Chinh, Nguyễn Doãn Khải sinh năm 2018, Nguyễn Doãn Minh Quân sinh năm 2019): đạt tỉ lệ: 87,5%; (em Nguyễn Văn Thành Đạt sinh năm 2014 Khuyết tật nặng không đi học)

+ Tổng số HS đang học Tiểu học: 463 em; số học 9 buổi/tuần: 463 em, tỉ lệ: 100%;

- Phân hiệu 2

+ Số trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 105 em; tỉ lệ: 100%

+ Số trẻ 11 tuổi Hoàn thành chương trình tiểu học năm học 2025-2026: 101/103 tỷ lệ: 98,1% (Có em Dương Huyền Trân sinh năm 2015 học lớp 5B2, em Nguyễn Cảnh Hợp sinh năm 2015 học lớp 5C2).

+ Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi (6-14 tuổi): 09 em trên địa bàn: Số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục: 04 em (Nguyễn Cảnh Hợp sinh năm 2015, Nguyễn Gia Nghĩa sinh năm 2017, Trần Danh Kiên Cường sinh năm 2017, Nguyễn Thị Quỳnh Hân sinh năm 2018), tỉ lệ: 44,4%

+ Tổng số HS đang học Tiểu học: 480 em; số học 9 buổi/tuần: 480 em, tỉ lệ: 100%;

- Phân hiệu 3

+ Số trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 89 em; tỷ lệ: 100%

+ Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 131/133 em; tỷ lệ: 98,4 %, (Có em Nguyễn Sỹ Hoàng sinh năm 2015 học lớp 5C3, em Nguyễn Trần Trọng Đức sinh năm 2015 học lớp 5B3).

+ Tổng số HS đang học Tiểu học: 555 em; số học 9 buổi/tuần: 555 em; tỉ lệ: 100 %

+ Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi (6-14 tuổi): 08 em; trong đó số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục: 04 em, tỉ lệ: 50%.

2.3. Phổ cập giáo dục THCS

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ: mức độ 1: số lượng 2116, tỉ lệ: 100%; mức độ 2: số lượng 2116, tỉ lệ: 100%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ: mức độ 1: số lượng 5440, tỉ lệ: 100%; mức độ 2: số lượng 5440, tỉ lệ: 100%.

- Số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ: mức độ 1: số lượng 10911, tỉ lệ: 100%; mức độ 2: số lượng 10911, tỉ lệ: 100%.

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp THCS: 796; tỷ lệ: 98,15%.

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp: 787; tỷ lệ: 97,04%

**** Kết quả:***

- Phổ cập giáo dục Tiểu học và Trung học cơ sở: **Đạt mức độ 3**

- Xóa mù chữ: **Đạt mức độ 2**

3. Điều kiện đảm bảo

3.1. Cơ sở vật chất

- Phân hiệu 1

+ Số phòng học: 15, tỷ lệ:15/15 phòng/lớp

+ Khối phòng hành chính: Phòng Phó hiệu trưởng: 01; phòng họp: 01; phòng chờ giáo viên: 01.

+ Phòng học bộ môn: Âm nhạc: 01, Mỹ thuật: 01, Khoa học - Công nghệ: 01, Tin học: 01, Ngoại ngữ: 02.

+ Khối phòng hỗ trợ học tập: Thư viện: 01, Thiết bị giáo dục: 01, Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: 01, Truyền thống: 01, Đội Thiếu niên: 01.

+ Khối phòng phụ trợ: Phòng Y tế trường học: 01; Nhà kho: 01; Phòng bảo vệ: 01.

+ Cảnh quan, sân chơi, bãi tập: Phân hiệu có sân chơi, bãi tập, đảm bảo điều kiện cho học sinh vui chơi và tập luyện an toàn.

+ Công trình vệ sinh: 02 (GV: 02, HS: 03), nhà xe giáo viên có diện tích: 400 m^2, nhà xe học sinh có diện tích: 300 m^2.

+ Trang thiết bị giáo dục: Các phòng có đủ các phương tiện, thiết bị cần thiết phục vụ cho dạy và học.

- Phân hiệu 2

+ Số phòng học: 15, tỷ lệ:15/15 phòng/lớp

+ Số phòng chức năng: 13 phòng,

Trong đó: Phòng phục vụ học tập: 07 phòng, gồm: Phòng Âm nhạc: 01; Phòng Mỹ Thuật: 01; Phòng Tiếng Anh: 01; Phòng Thư viện: 01; Phòng Thiết bị: 01; Phòng TT- Đội: 01; Nhà đa năng: 01.

Phòng hành chính gồm: 06 phòng gồm: Phòng Hiệu phó: 01; phòng chờ của GV: 01; văn phòng: 01; Phòng Y tế- CTĐ: 01; Phòng tư vấn tâm lý: 01; Phòng bảo vệ: 01.

+ Cảnh quan, sân chơi, bãi tập: Phân hiệu có sân chơi, bãi tập, đảm bảo điều kiện cho học sinh vui chơi và tập luyện an toàn.

+ Công trình vệ sinh: 02 (GV: 01, HS: 01), nhà xe giáo viên có diện tích: 60 m^2, nhà xe học sinh có diện tích: 100 m^2.

+ Trang thiết bị giáo dục: Các phòng có đủ các phương tiện, thiết bị cần thiết phục vụ cho dạy và học.

- Phân hiệu 3

+ Số phòng học: 16 tỷ lệ: 1/1 phòng/lớp.

+ Số phòng chức năng: 15 phòng, trong đó:

Phòng phục vụ học tập: 9 phòng, gồm: Phòng thư viện: 01, phòng thiết bị: 01; phòng Tiếng Anh: 02; phòng Tin học: 01; phòng Âm nhạc: 01; phòng Mỹ thuật: 01; phòng Đội: 01; phòng truyền thống: 01; phòng Giáo dục thể chất, Nhà đa năng: 01

Phòng hành chính: 06 phòng, gồm: Phòng Phó hiệu trưởng: 01; phòng họp: 01; phòng giáo viên: 01; phòng Y tế học đường-GDKT: 01; phòng bảo vệ: 01; phòng kho lưu trữ: 01.

+ Cảnh quan, sân chơi, bãi tập: Có 01 sân chơi rỗng rãi diện tích 4000m^2, có 01 bãi tập diện tích 4000 m^2, có 01 sân bóng rổ, 01 sân bóng chuyền.

+ Bếp, nhà ăn cho học sinh bán trú: Không tổ chức bán trú.

+ Công trình vệ sinh giáo viên: 02; công trình vệ sinh học sinh: 05; nhà xe giáo viên: 01; nhà xe học sinh: 02;

+ Trang thiết bị giáo dục: Smas Tivi: 23; mạng internet đủ phục vụ dạy học và hoạt động của nhà trường; Máy tính: 18; máy in: 03; máy chiếu: 02; đầu DVD: 01; Radio-catsetete: 01; loa máy: 03 bộ; thiết bị: 16 bộ/16 lớp.

- Trường chính (THCS)

+ Số phòng học: 16, tỷ lệ: 01 phòng/lớp.

+ Số phòng chức năng: 32 phòng; trong đó:

Phòng phục vụ học tập: 10 phòng, gồm: Phòng Âm nhạc: 01, phòng Mĩ thuật: 01, Phòng Công nghệ: 01, Phòng khoa học tự nhiên: 03, phòng tin học: 01, Phòng ngoại ngữ: 01, Phòng khoa học xã hội: 01, Phòng đa chức năng: 01.

Phòng hành chính: 08 phòng, gồm: Phòng hiệu trưởng: 01, phòng hiệu phó: 01, phòng kế toán: 01, văn phòng: 01; phòng tổ chuyên môn: 03; phòng giáo vụ: 01

Phòng hỗ trợ dạy học: 08 phòng, gồm: Phòng thư viện: 01, phòng thiết bị: 01, phòng đoàn Đội, tư vấn tâm lý học đường: 01, phòng y tế: 01, nhà kho: 01, phòng chờ giáo viên: 01, phòng bảo vệ: 01, phòng tiếp dân: 01, nhà để xe cho giáo viên: 01

+ Cảnh quan, sân chơi, bãi tập: Có 01 sân chơi, 01 sân thể dục, 01 sân cỏ nhân tạo, 01 sân bóng chuyền.

+ Công trình vệ sinh: 03. Trong đó: Nhà vệ sinh học sinh: 02; nhà vệ sinh giáo viên: 01; nhà xe giáo viên: 01, nhà xe học sinh: 02

+ Trang thiết bị giáo dục: Các phòng có đủ các phương tiện, thiết bị cần thiết phục vụ cho dạy và học.

3.2. Giáo viên

- Phân hiệu 1

+ Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 24 người; trong đó: Phó Hiệu trưởng: 01; giáo viên: 22 (01 giáo viên hợp đồng Tin học, 01 giáo viên hợp đồng văn hóa), nhân viên: 01

+ Trình độ đào tạo: Đạt chuẩn: 22/22 tỷ lệ: 100 %; trên chuẩn: 0, tỷ lệ: 0%

+ Tỷ lệ giáo viên: 1,46/lớp; cơ cấu giáo viên: Văn hóa: 16, Âm nhạc: 01 , Mỹ thuật: 01, Giáo dục thể chất: 01, Tin học: 01, Ngoại ngữ: 02

+ Có người theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ: Có

- Phân hiệu 2

+ Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 24 người; trong đó: Phó Hiệu trưởng: 01; giáo viên: 22, nhân viên: 01. (Trong đó 02 giáo viên hợp đồng 111).

+ Trình độ đào tạo: Đạt chuẩn: 24/24 tỷ lệ: 100%; trên chuẩn: 0, tỷ lệ: 0%.

+ Tỷ lệ giáo viên: 1,46/lớp; cơ cấu giáo viên: Văn hóa: 17, Âm nhạc: 01 , Mỹ thuật: 01, Giáo dục thể chất: 01, Tin học: 0, Ngoại ngữ: 02.

+ Có người theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ: Có

- Phân hiệu 3

+ Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 27 người; trong đó: Phó Hiệu trưởng: 01; giáo viên: 25 (Trong đó 01 giáo viên hợp đồng văn hóa), nhân viên: 01.

+ Trình độ đào tạo: Đạt chuẩn: 23/25 tỷ lệ: 92%; trên chuẩn: 0, tỷ lệ: 0%.

+ Tỷ lệ giáo viên: 1,56/lớp; cơ cấu giáo viên: Văn hóa: 20, Âm nhạc: 01 , Mỹ thuật: 01, Giáo dục thể chất: 0, Tin học: 01, Ngoại ngữ: 02.

+ Có người theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ: Có

- Trường chính (THCS)

+ Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 38; trong đó: Hiệu trưởng: 01, Phó Hiệu trưởng: 01, giáo viên: 29, TPT đội: 01, nhân viên: 06.

+ Trình độ đào tạo: Đạt chuẩn: 29, tỷ lệ: 96,6%; trên chuẩn: 01, tỷ lệ: 3,4 %. Chưa đạt chuẩn: 0.

+ Tỷ lệ giáo viên: 1,8 GV/lớp;

Cơ cấu giáo viên: Văn: 04, Toán: 04, Lý: 02, Anh: 03, Sinh: 02, Sử: 02 , Địa: 02, Hóa: 02, Âm nhạc: 02, Mĩ Thuật: 01, Thể dục: 02, Tổng phụ trách Đội: 01; GDCD: 01, Công Nghệ: 01, Tin học: 01.

+ Có người theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ: Có

4. Xoá mù chữ

- Trên địa bàn không có hiện tượng mù chữ;
- Trường đảm bảo tiêu chuẩn XMC mức độ 2.

Phần II
PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCGD-XMC NĂM 2027

I. MỤC TIÊU CHUNG

- Duy trì, củng cố kết quả PCGD-XMC, phổ cập giáo dục Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở đúng độ tuổi.
- Huy động tối đa trẻ trong độ tuổi đến trường và duy trì tốt số lượng học sinh phổ thông.
- Tổ chức điều tra, thống kê thiết lập biểu mẫu phổ cập giáo dục đảm bảo theo đúng quy định.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

- Ban chỉ đạo PCGD-XMC tham mưu để ra các quyết định, văn bản về công tác PCGD-XMC của địa phương.
- Công tác chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND và UBND xã.
- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch một cách kịp thời.
- Phối kết hợp tốt với các thành viên trong ban chỉ đạo.

2. Các giải pháp thực hiện

2.1. Công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính quyền

- Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể: triển khai các văn bản của cấp trên, chỉ đạo kịp thời các hoạt động PCGD - XMC trên địa bàn xã.
- Đảng ủy, HĐND, UBND đến các ban ngành đoàn thể, chi bộ các thôn đều có nghị quyết, xây dựng kế hoạch và chương trình hành động về công tác phổ cập giáo dục.
- UBND xã thường xuyên củng cố Ban chỉ đạo PCGD - XMC, trưởng ban phổ cập giáo dục là đồng chí phó chủ tịch UBND xã, các thành viên trong ban chỉ đạo gồm các đồng chí có tâm huyết gắn bó với công tác giáo dục tại địa phương. Ban chỉ đạo đã phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên, thường xuyên đôn đốc kiểm tra.

2.2. Công tác tuyên truyền

- Tuyên truyền tới toàn thể nhân dân, các ban ngành đoàn thể, các tổ chức

chính trị xã hội về Luật PCGD; các thời điểm tuyển sinh, chế độ chính sách đối với học sinh khuyết tật, học sinh nghèo, học sinh con gia đình chính sách,...

- Nhà trường tổ chức cho cán bộ giáo viên được học tập để nắm chắc các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác PCGD-XMC: nhiệm vụ, hồ sơ và nghiệp vụ phổ cập, công tác điều tra, theo dõi học sinh đi đến, thực hiện chương trình kế hoạch dạy học, giáo dục trẻ khuyết tật học hoà nhập.

- Sử dụng tốt các hình thức, công cụ tuyên truyền: Qua đài phát thanh, qua các cuộc hợp, Hội nghị.

2.3. Công tác điều tra, huy động trẻ đến trường

- Nhà trường phối hợp với các lực lượng tham gia công tác điều tra độ tuổi trẻ từ 0 đến 60 tuổi; đảm bảo huy động hết số trẻ các độ tuổi đến lớp (kể cả học sinh khuyết tật nhẹ).

- Thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường" nhằm tuyên truyền, huy động hết số trẻ trong độ tuổi đến trường hiệu quả.

- Trước khi tuyển sinh, nhà trường đã cho thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng (đài phát thanh xã) để nhân dân biết nhằm huy động hết số trẻ đến lớp.

- Nhà trường thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số, điều tra xác minh các đối tượng xóa mù chữ học ngoài xã, bỏ học, chuyển đi và đến từng tháng, quý. Thông báo kịp thời đến Hội đồng giáo dục đối với những trường hợp có nguy cơ bỏ học để vận động các em ra lớp.

Ngoài việc phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc quản lý, động viên con em học tập tố, các đơn vị còn làm tốt công tác phụ đạo học sinh yếu giúp học sinh nắm bắt được kiến thức cơ bản, các em tự tin trong học tập.

2.4. Công tác duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng

a. Quản lí, chỉ đạo của nhà trường

- Xây dựng cảnh quan trường học xanh-sạch-đẹp, tập thể đoàn kết, thống nhất. Thực hiện tốt cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

- Thực hiện tốt phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" .Giữ vững nề nếp kỷ cương trường học.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên đảm bảo phẩm chất chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Bố trí hợp lí, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên đảm bảo đủ tỷ lệ giáo viên trên lớp.

- Tăng cường công tác tự bồi dưỡng và bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng những yêu cầu mới trong tình hình xã hội hiện nay.

b. Duy trì sĩ số

- Nhà trường đã chỉ đạo cán bộ giáo viên nhà trường làm tốt công tác điều tra, huy động học sinh đúng độ tuổi ra lớp (kể cả học sinh khuyết tật).

- Ổn định và giao sĩ số cho giáo viên chủ nhiệm ngay từ đầu năm học, theo dõi từng kỳ, từng tháng cập nhật thường xuyên.

- Tiếp tục củng cố kỷ cương nền nếp trường, lớp.

c. Nâng cao chất lượng

- Đẩy mạnh các hoạt động dạy và học trong nhà trường, nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình thời khoá biểu, dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng.

- Dạy học có hiệu quả, phù hợp với lứa tuổi và tình hình địa phương. Tổ chức các hoạt động tập thể vui tươi lành mạnh như: đưa các trò chơi dân gian vào các nội dung học chính khóa.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tao (AI) sao cho mỗi giờ dạy nhẹ nhàng hiệu quả, chất lượng cao. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong từng bài học.

- Ngay từ đầu năm học tiến hành khảo sát phân loại các đối tượng học sinh giỏi, học sinh yếu, học sinh nghèo, học sinh khuyết tật giao cho giáo viên có năng lực và tinh thần trách nhiệm để bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng mũi nhọn, giảm tỉ lệ học sinh lưu ban.

- Duy trì tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.

- Lập cam kết về chất lượng đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy.

- Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục: Kết hợp chặt chẽ 3 môi trường giáo dục nhà trường - gia đình - xã hội, tạo mọi điều kiện động viên học sinh cố gắng phấn đấu vươn lên.

2.5. Công tác xây dựng cơ sở vật chất

- Tham mưu với Ban đại diện cha mẹ học sinh tu sửa cơ sở vật chất, mua bàn ghế bổ sung, thay toàn bộ hệ thống thiết bị điện và dây điện các phòng học.

- Tăng cường một số sách cho phòng thư viện đảm bảo đủ điều kiện thư viện chuẩn. Trang bị thêm đồ dùng dạy học và một số trang thiết bị khác

- Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, tiếp tục trang trí phòng học đẹp, trồng bổ sung một số cây xanh bóng mát xung quanh trường tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.

2.6. Công tác xã hội hóa giáo dục

- Tuyên truyền tới các lực lượng đoàn thể xã hội về công tác xã hội hoá giáo dục nhằm tăng cường cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho dạy và học đồng thời tăng cường sự chăm lo giáo dục học sinh.

- Tham mưu với cấp lãnh đạo để thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục đạt hiệu quả.

- Thực hiện xã hội hoá giáo dục đảm bảo đúng quy trình, đảm bảo tính công khai.

- Chăm lo giúp đỡ học sinh diện gia đình chính sách, học sinh có hoàn

cảnh khó khăn, HS khuyết tật.

2.7. Tập huấn nghiệp vụ phổ cập

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ (điều tra, nhập dữ liệu)

- Phối kết hợp trong công tác điều tra, nhập dữ liệu, thống kê, báo cáo

2.8. Công tác kiểm tra, đánh giá

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, đánh giá ở cơ sở. Tổ chức tự kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD năm 2026. Tổ chức tổng kết vào tháng 12/2026

2.9. Công tác thi đua, khen thưởng

Đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng kịp thời phát hiện, biểu dương những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác phổ cập giáo dục đồng thời xử lý những cá nhân vi phạm. Tổ chức tổng kết đánh giá thi đua khen thưởng năm 2026, triển khai kế hoạch năm 2027 vào tháng 01/2027.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Tăng cường công tác tham mưu đầu tư về cơ sở vật chất, mua sắm thêm trang thiết bị để đủ điều kiện phục vụ dạy học. Tuyên truyền vận động người dân, các tổ chức tham gia công tác phổ cập để có kết quả bền vững hơn.

- Quản lý tốt công tác dạy học ở các nhà trường, nâng cao chất lượng dạy học tránh tình trạng học sinh ngồi nhầm lớp và bỏ học ở TH và THCS.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác PCGD, XMC năm 2026 Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã kính gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./.

Nơi nhận:
- BCĐ PCGD Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng Văn hóa-Xã hội;
- Lưu: VT, BCĐ PCGD xã;

TM. BAN CHỈ ĐẠO PCGD XÃ
TRƯỞNG BAN

Trần Viết Sao
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ